

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 36

1.03
C
C
E
TR
AN T

1.03
C
C
E
TR
AN T

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302597576 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 5 năm 2002, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất lần thứ 35 cấp ngày 14 tháng 1 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường phi tập trung với mã chứng khoán là DuoclieuTW2.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tháp Bahamas, Đảo Kim Cương, Số 1, Đường 104-BTT, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có hai (2) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh khác tại Việt Nam.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh hàng hóa tân dược và dụng cụ y tế; cung cấp dịch vụ ủy thác, giao nhận hàng hóa và kho bãi.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Công Chiến	Chủ tịch
Ông Đoàn Đức Vinh	Thành viên
Ông Trần Thọ Thành	Thành viên
Bà Võ Thị Tuấn Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Thiện Đức	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hùng Vượng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Minh Phú	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm vào ngày 7 tháng 1 năm 2025
Ông Capistrano Mario JR Pawang	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm vào ngày 7 tháng 1 năm 2025
Ông Capistrano Mario JR Pawang	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm vào ngày 7 tháng 1 năm 2025
Ông Đào Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Torsten Wagner	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 4 năm 2024
Bà Võ Thị Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm vào ngày 26 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Lê Minh Phú	Tổng Giám đốc	từ ngày 14 tháng 1 năm 2025
Ông Capistrano Mario JR Pawang	Phó Tổng Giám đốc	từ ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Công Chiến	Chủ tịch	đến ngày 13 tháng 1 năm 2025
		đến ngày 22 tháng 4 năm 2024

Ông Đào Văn Đại được Ông Lê Minh Phú ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 01/DL2-NS ngày 14 tháng 1 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đào Văn Đại
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 61087108/67739248/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2 ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập vào ngày 24 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1



Trần Thanh Thúy
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3076-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		14.557.367.923.866	13.159.834.618.797
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.521.335.485.905	2.730.578.503.719
111	1. Tiền		970.335.485.905	1.542.937.450.487
112	2. Các khoản tương đương tiền		551.000.000.000	1.187.641.053.232
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.378.709.806.446	1.673.902.648.437
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.378.709.806.446	1.673.902.648.437
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.449.438.272.771	5.684.966.291.258
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	7.432.372.765.459	5.663.323.135.734
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.921.683.324	5.449.133.402
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	30.365.281.044	32.978.893.353
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(17.221.457.056)	(17.221.457.056)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	436.585.825
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.013.962.042.711	2.937.845.573.932
141	1. Hàng tồn kho		4.020.036.778.731	2.958.191.629.062
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.074.736.020)	(20.346.055.130)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		193.922.316.033	132.541.601.451
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	5.035.857.963	14.510.740.184
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	187.586.227.960	117.394.848.542
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.300.230.110	636.012.725
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		702.428.796.346	725.723.774.752
220	I. Tài sản cố định		450.070.702.069	448.399.212.530
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	366.088.412.210	369.772.635.696
222	Nguyên giá		435.514.189.878	413.002.107.062
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(69.425.777.668)	(43.229.471.366)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	83.982.289.859	78.626.576.834
228	Nguyên giá		87.152.035.172	80.976.035.172
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.169.745.313)	(2.349.458.338)
230	II. Bất động sản đầu tư	13	123.504.909.215	3.150.000.000
231	1. Nguyên giá		123.504.909.215	3.150.000.000
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	131.228.539.391
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	131.228.539.391
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		4.615.385.708	4.615.385.708
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14	4.615.385.708	4.615.385.708
260	V. Tài sản dài hạn khác		124.237.799.354	138.330.637.123
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	119.208.575.193	116.762.128.258
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	5.029.224.161	21.568.508.865
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.259.796.720.212	13.885.558.393.549

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.726.327.840.614	13.339.796.704.880
310	I. Nợ ngắn hạn		14.514.206.482.085	13.103.496.242.280
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	11.695.110.547.548	10.301.205.896.759
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.439.641.234	1.320.300.098
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	12.088.708.576	32.169.264.664
314	4. Phải trả người lao động		13.651.493.798	29.675.431.560
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	60.224.097.888	50.818.687.311
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	67.930.005.575	44.741.950.519
320	7. Vay ngắn hạn	19	2.661.010.218.572	2.640.197.742.475
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.16	2.751.768.894	3.366.968.894
330	II. Nợ dài hạn		212.121.358.529	236.300.462.600
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	18.661.694.779	13.624.962.600
338	2. Vay dài hạn	19	191.264.000.000	220.684.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	3.13	2.195.663.750	1.991.500.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		533.468.879.598	545.761.688.669
410	I. Vốn chủ sở hữu		533.468.879.598	545.761.688.669
411	1. Vốn cổ phần	20.1	381.900.000.000	381.900.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		381.900.000.000	381.900.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	27.876.760.563	27.876.760.563
415	3. Cổ phiếu quỹ	20.1	(36.000.000)	(36.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	12.027.860.538	12.027.860.538
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.1	643.341.294	1.500.507.294
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	84.300.395.710	92.230.761.586
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		67.821.711.114	44.366.982.993
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		16.478.684.596	47.863.778.593
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	21	26.756.521.493	30.261.798.688
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.259.796.720.212	13.885.558.393.549

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2025




Nguyễn Thị Thanh Tùng
Người lập


Hoàng Đăng Ánh
Kế toán trưởng


Đào Văn Đại
Phó Tổng Giám đốc

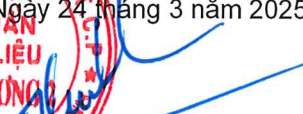
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	41.637.683.946.790	35.136.552.595.422
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	(21.766.508.756)	(109.643.053.824)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	41.615.917.438.034	35.026.909.541.598
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(40.089.577.570.609)	(33.822.104.827.449)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.526.339.867.425	1.204.804.714.149
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	115.915.651.269	116.531.986.091
22	7. Chi phí tài chính	25	(96.569.254.691)	(82.771.143.912)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(92.765.899.975)	(72.391.722.425)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(1.268.461.569.907)	(932.984.016.067)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(149.581.870.660)	(163.306.668.257)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		127.642.823.436	142.274.872.004
31	11. Thu nhập khác		7.486.118.063	555.878.714
32	12. Chi phí khác		(11.780.292.581)	(3.285.292.408)
40	13. Lỗ khác		(4.294.174.518)	(2.729.413.694)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		123.348.648.918	139.545.458.310
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(12.600.207.756)	(47.902.129.421)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	(16.539.284.704)	17.733.419.858
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		94.209.156.458	109.376.748.747
61	18. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		91.037.134.124	105.144.278.594
62	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21	3.172.022.334	4.232.470.153
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	29	2.384	2.662
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	29	2.384	2.662


Nguyễn Thị Thanh Tùng
Người lập


Hoàng Đăng Ánh
Kế toán trưởng


Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Đào Văn Đại
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		123.348.648.918	139.545.458.310
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	27.016.593.277	10.853.564.362
03	Dự phòng		5.868.501.604	20.383.567.153
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.750.518.719	151.635.600
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(96.370.349.947)	(84.239.010.483)
06	Chi phí lãi vay	25	92.765.899.975	72.391.722.425
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		154.379.812.546	159.086.937.367
09	Tăng các khoản phải thu		(1.848.007.797.363)	(1.406.735.485.767)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.081.780.806.633)	(640.131.219.359)
11	Tăng các khoản phải trả		1.403.621.385.710	2.097.599.018.736
12	Tăng chi phí trả trước		7.028.435.286	(10.281.617.982)
14	Tiền lãi vay đã trả		(92.145.691.628)	(85.106.155.461)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(33.668.676.240)	(20.427.183.065)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.972.366.000)	(2.218.560.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(1.493.545.704.322)	91.785.734.469
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(18.813.683.554)	(183.885.358.861)
23	Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(2.874.992.850.240)	(2.294.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		3.171.000.000.000	1.037.084.210.183
27	Tiền thu lãi tiền gửi		106.904.001.220	61.219.490.528
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		384.097.467.426	(1.379.581.658.150)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	9.535.733.199.753	8.314.138.000.559
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(9.544.340.723.656)	(6.154.194.451.465)
36	Cổ tức đã trả	20, 21	(91.271.348.250)	(79.879.341.581)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(99.878.872.153)	2.080.064.207.513

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.209.327.109.049)	792.268.283.832
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.730.578.503.719	1.938.319.050.248
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		84.091.235	(8.830.361)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	1.521.335.485.905	2.730.578.503.719



Nguyễn Thị Thanh Tùng
Người lập



Hoàng Đăng Ánh
Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Đào Văn Đại
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302597576 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 5 năm 2002 và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất lần thứ 35 cấp ngày 14 tháng 1 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường phi tập trung với mã chứng khoán là DuoclieuTW2.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tháp Bahamas, Đảo Kim Cương, Số 1, Đường 104-BTT, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có hai (2) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh khác tại Việt Nam.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh hàng hóa tân dược và dụng cụ y tế; cung cấp dịch vụ ủy thác, giao nhận hàng hóa và kho bãi.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 587 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 536 người).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có ba (3) công ty con và một (1) công ty liên kết. Chi tiết được trình bày như sau:

				Số đầu năm và số cuối năm	
Tên công ty	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con					
Công ty Cổ phần Phyto Quang Trung	97 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới và quản lý bất động sản; kho bãi và lưu trữ hàng hóa, xuất nhập khẩu hàng hóa	Đang hoạt động	94%	94%
Công ty TNHH Phyto Land	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới và quản lý bất động sản	Đang hoạt động	59%	59%
Công ty TNHH Một Thành viên Dược liệu TW2	9 Phố Mã Mây, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Buôn bán thuốc và dụng cụ y tế	Đang hoạt động	100%	100%
Công ty liên kết					
Công ty TNHH Dược liệu Trung ương 2 Phytopharma Sài Gòn	42 Châu Văn Liêm, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Buôn bán thuốc và dụng cụ y tế	Tạm dừng hoạt động	40%	40%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa cuối năm với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là vô thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng còn quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được khấu hao.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	49 năm
Phần mềm máy tính	1 - 9 năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 19 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả trước theo hợp đồng thuê đất để xây nhà kho ký với Công ty Cổ phần Long Hậu (ngày 19 tháng 9 năm 2018) với thời hạn thuê 39 năm; và hợp đồng thuê đất ở Đồng Nai ký với Nhà nước (ngày 30 tháng 9 năm 2008) với thời hạn thuê 20 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê ghi nhận hàng kỳ

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	873.095.860	1.175.469.426
Tiền gửi ngân hàng	969.462.390.045	1.541.761.981.061
Các khoản tương đương tiền (*)	551.000.000.000	1.187.641.053.232
TỔNG CỘNG	1.521.335.485.905	2.730.578.503.719

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,0% đến 3,5% một năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 2,6% đến 6% một năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN – NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc sáu (6) tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Dược phẩm Sang	1.663.204.806.947	911.967.141.883
Công ty Cổ phần Vacxin Việt Nam	555.448.634.177	339.139.991.058
Bệnh viện Chợ Rẫy Thành phố Hồ Chí Minh	360.156.835.590	236.048.300.921
Bệnh viện K - Khoa Dược	329.043.789.738	208.432.430.560
Bệnh viện Trung ương Huế	214.205.623.549	180.531.039.573
Bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh	178.211.392.359	197.630.490.368
Bệnh viện Bạch Mai	122.785.366.284	150.165.704.495
Bệnh viện và các công ty dược phẩm khác	4.009.316.316.815	3.439.408.036.876
TỔNG CỘNG	7.432.372.765.459	5.663.323.135.734
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(15.544.817.966)	(15.544.817.966)
GIÁ TRỊ THUẦN	7.416.827.947.493	5.647.778.317.768

Như trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp các khoản phải thu từ các bệnh viện và khách hàng khác trị giá tối đa 5.750.000.000.000 VND cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng.

Ngoài ra, Nhóm Công ty đã thế chấp các khoản phải thu từ các bệnh viện và khách hàng khác trị giá tối đa 860.000.000.000 VND cho dịch vụ bao thanh toán đối với các khoản phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	15.544.817.966	15.631.055.943
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(86.237.977)
Số cuối năm	15.544.817.966	15.544.817.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi dự thu	13.633.260.275	24.981.219.317
Tạm ứng cho nhân viên	10.449.083.983	4.463.263.928
Phải thu từ nhập khẩu ủy thác	3.426.400.241	458.773.303
Chi hộ	1.398.155.600	1.728.625.881
Khác	1.458.380.945	1.347.010.924
TỔNG CỘNG	30.365.281.044	32.978.893.353

8. NỢ XẤU

	VND		
	Số cuối năm và số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần
Công ty TNHH TMDV Rùa Vàng	6.807.102.724	(6.807.102.724)	-
Ông Phạm Anh Tuấn	4.171.675.660	(4.171.675.660)	-
Công ty TNHH Thiên thần Cuộc sống	2.149.225.777	(2.149.225.777)	-
Khác	4.093.452.895	(4.093.452.895)	-
TỔNG CỘNG	17.221.457.056	(17.221.457.056)	-

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	3.998.448.675.608	2.942.877.228.985
Hàng mua đang đi đường	21.588.103.123	15.314.400.077
TỔNG CỘNG	4.020.036.778.731	2.958.191.629.062
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.074.736.020)	(20.346.055.130)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.013.962.042.711	2.937.845.573.932

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20.346.055.130	106.325.348.780
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	5.664.337.854	20.346.055.130
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(19.935.656.964)	(106.325.348.780)
Số cuối năm	6.074.736.020	20.346.055.130

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.035.857.963	14.510.740.184
Phí phần mềm	2.030.709.840	1.290.817.502
Công cụ, dụng cụ	222.161.384	5.827.303.996
Chi phí cải tạo văn phòng	136.425.784	855.492.017
Phí tư vấn	-	4.109.270.918
Khác	2.646.560.955	2.427.855.751
Dài hạn	119.208.575.193	116.762.128.258
Tiền thuê đất (i)	54.702.941.751	56.510.750.163
Tiền thuê trả trước	51.386.004.117	52.904.633.493
Công cụ, dụng cụ	6.330.442.274	3.881.689.513
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	4.704.912.859	3.103.246.183
Khác	2.084.274.192	361.808.906
TỔNG CỘNG	124.244.433.156	131.272.868.442

- (i) Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả trước theo các hợp đồng thuê đất để xây nhà kho ký với Công ty Cổ phần Long Hậu (ngày 19 tháng 9 năm 2018) với thời hạn thuê 39 năm; và hợp đồng thuê đất ở tỉnh Đồng Nai ký với Nhà nước (ngày 30 tháng 9 năm 2008) với thời hạn thuê 20 năm.

Như trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị thuộc Hệ thống Kho Phytopharma tại xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An để đảm bảo cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng.

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
VND						
Nguyên giá:						
Số đầu năm	244.399.205.272	45.896.854.020	117.463.253.512	3.603.301.214	1.639.493.044	413.002.107.062
Xây dựng cơ bản	-	-	15.190.000.000	-	-	15.190.000.000
dỡ dang hoàn thành	-	770.000.000	-	6.552.082.816	-	7.322.082.816
Mua mới						
Số cuối năm	244.399.205.272	46.666.854.020	132.653.253.512	10.155.384.030	1.639.493.044	435.514.189.878
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	8.333.101.735	6.033.023.882	4.913.724.701	2.299.651.996	1.639.493.044	23.218.995.358
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	21.851.901.771	9.737.535.882	7.515.440.980	2.485.099.689	1.639.493.044	43.229.471.366
Khấu hao trong năm	12.438.837.342	4.297.035.162	8.442.792.842	1.017.640.956	-	26.196.306.302
Số cuối năm	34.290.739.113	14.034.571.044	15.958.233.822	3.502.740.645	1.639.493.044	69.425.777.668
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	222.547.303.501	36.159.318.138	109.947.812.532	1.118.201.525	-	369.772.635.696
Số cuối năm	210.108.466.159	32.632.282.976	116.695.019.690	6.652.643.385	-	366.088.412.210

(*) Như trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị thuộc Hệ thống Kho Phytopharma tại xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An với giá trị còn lại là 337.855.452.879 VND để đảm bảo cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng.

HỒ C
T
LIÊN
75

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	75.563.882.740	5.412.152.432	80.976.035.172
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	-	5.930.000.000	5.930.000.000
Mua mới	246.000.000	-	246.000.000
Số cuối năm	75.809.882.740	11.342.152.432	87.152.035.172
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	757.078.132	757.078.132
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	883.517.281	1.465.941.057	2.349.458.338
Hao mòn trong năm	99.090.588	721.196.387	820.286.975
Số cuối năm	982.607.869	2.187.137.444	3.169.745.313
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	74.680.365.459	3.946.211.375	78.626.576.834
Số cuối năm	74.827.274.871	9.155.014.988	83.982.289.859

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

			VND
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa và vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	3.150.000.000	-	3.150.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	-	120.354.909.215	120.354.909.215
Số cuối năm	3.150.000.000	120.354.909.215	123.504.909.215
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm và số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	3.150.000.000	-	3.150.000.000
Số cuối năm	3.150.000.000	120.354.909.215	123.504.909.215

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Số đầu năm và số cuối năm		
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty TNHH Dược liệu Trung ương 2 PhytoPharma Sài Gòn	Buôn bán thuốc và dụng cụ y tế	Tạm dừng hoạt động	40%	<u>5.000.000.000</u>	-

Chi tiết tăng, giảm khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

VND

Giá gốc đầu tư:

Số đầu năm và số cuối năm 5.000.000.000

Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm và số cuối năm (384.614.292)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm và số cuối năm 4.615.385.708

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dược phẩm GSK Việt Nam	2.117.994.811.383	1.500.796.982.702
Công ty TNHH MSD Việt Nam	1.445.024.945.211	1.405.218.337.774
Công ty TNHH Zuellig Pharma Việt Nam	1.238.654.664.176	1.558.822.299.807
Khác	<u>6.893.436.126.778</u>	<u>5.836.368.276.476</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.695.110.547.548</u>	<u>10.301.205.896.759</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.161.215.110	12.600.207.756	(33.382.318.150)	3.379.104.716
Thuế thu nhập cá nhân	3.854.070.080	20.715.743.522	(20.050.464.997)	4.519.348.605
Thuế nhập khẩu	4.103.782.782	22.936.470.423	(22.936.470.423)	4.103.782.782
Thuế giá trị gia tăng	50.196.692	2.541.218.759.401	(2.541.182.483.620)	86.472.473
Thuế khác	-	1.484.135.098	(1.484.135.098)	-
TỔNG CỘNG	32.169.264.664	2.598.955.316.200	(2.619.035.872.288)	12.088.708.576
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	117.394.848.542	2.717.857.440.337	(2.647.666.060.919)	187.586.227.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.734.260	286.358.090	-	323.092.350
Thuế khác	599.278.465	377.859.295	-	977.137.760
TỔNG CỘNG	118.030.861.267	2.718.521.657.722	(2.647.666.060.919)	188.886.458.070

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua ngoài	45.091.352.067	37.610.155.282
Chi phí nhân viên	9.492.058.443	7.038.191.233
Lãi vay	2.233.480.509	1.613.272.162
Khác	3.407.206.869	4.557.068.634
TỔNG CỘNG	60.224.097.888	50.818.687.311

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	67.930.005.575	44.741.950.519
Cổ tức phải trả	37.746.328.948	26.872.877.669
Nhận chi hộ	17.573.446.664	10.623.287.843
Nhận ký quỹ, ký cược	9.335.240.286	6.874.247.750
Khác	3.274.989.677	371.537.257
Dài hạn	18.661.694.779	13.624.962.600
Nhận ký quỹ, ký cược	18.661.694.779	13.624.962.600
TỔNG CỘNG	86.591.700.354	58.366.913.119
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>48.845.371.406</i>	<i>31.494.035.450</i>
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>37.746.328.948</i>	<i>26.872.877.669</i>

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Phân loại lại	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn	2.640.197.742.475	9.535.733.199.753	(9.544.340.723.656)	29.420.000.000	2.661.010.218.572
Vay ngân hàng (Thuyết minh ("TM") số 19.1)	2.610.777.742.475	9.535.733.199.753	(9.514.920.723.656)	-	2.631.590.218.572
Vay dài hạn đến hạn trả (TM số 19.2)	29.420.000.000	-	(29.420.000.000)	29.420.000.000	29.420.000.000
Vay dài hạn	220.684.000.000	-	-	(29.420.000.000)	191.264.000.000
Vay ngân hàng (TM số 19.2)	220.684.000.000	-	-	(29.420.000.000)	191.264.000.000
TỔNG CỘNG	2.860.881.742.475	9.535.733.199.753	(9.544.340.723.656)	-	2.852.274.218.572

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	1.140.487.951.633	Từ ngày 2 tháng 3 năm 2025 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025	Quyền tài sản, quyền đòi nợ các khoản phải thu từ bệnh viện trị giá 1.500.000.000.000 VND (Thuyết minh số 6)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	499.938.283.433	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2025 đến ngày 26 tháng 3 năm 2025	Quyền tài sản, quyền đòi nợ các khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng bán hàng với giá trị được xác định là 1.500.000.000.000 VND (Thuyết minh số 6)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức ("VCB")	378.553.430.648	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2025 đến ngày 8 tháng 2 năm 2025	Quyền đòi nợ, các khoản phải thu, quyền yêu cầu thanh toán khác theo phát sinh từ các hợp đồng kinh doanh thương mại của khách hàng với giá trị tối đa là 1.500.000.000.000 VND (Thuyết minh số 6)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	323.267.814.023	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2025 đến ngày 30 tháng 3 năm 2025	Quyền đòi nợ và toàn bộ các khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng bán hàng với giá trị được xác định là 500.000.000.000 VND (Thuyết minh số 6)
Ngân hàng Cathay	200.000.000.000	Ngày 3 tháng 3 năm 2025	Tín chấp
Ngân hàng Mizuho	89.342.738.835	Ngày 7 tháng 1 năm 2025	Khoản phải thu với các bệnh viện với tổng số tiền tối đa là 750.000.000.000 VND không bao gồm phí bảo lãnh (Thuyết minh số 6)
TỔNG CỘNG	2.631.590.218.572		

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu xây dựng nhà kho. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	220.684.000.000	Định kỳ mỗi 3 tháng kể từ ngày giải ngân cuối cùng nhưng không quá ngày 9 tháng 6 năm 2032	Lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả sau dành cho khách hàng cá nhân của VCB + 2% - 2,5%	Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị thuộc dự án Hệ thống Kho Phytopharma tại xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (Thuyết minh số 10 và số 11)

Trong đó:

Vay dài hạn	191.264.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	29.420.000.000

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tính hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước:							
Số đầu năm	381.900.000.000	27.876.760.563	(36.000.000)	12.027.860.538	361.717.294	66.960.482.992	489.090.821.387
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	105.144.278.594	105.144.278.594
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(76.374.000.000)	(76.374.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập quỹ khác	-	-	-	-	1.500.000.000	(1.500.000.000)	-
Sử dụng quỹ khác	-	-	-	-	(361.210.000)	-	(361.210.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	381.900.000.000	27.876.760.563	(36.000.000)	12.027.860.538	1.500.507.294	92.230.761.586	515.499.889.981
Năm nay:							
Số đầu năm	381.900.000.000	27.876.760.563	(36.000.000)	12.027.860.538	1.500.507.294	92.230.761.586	515.499.889.981
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	91.037.134.124	91.037.134.124
Cổ tức công bố (i)	-	-	-	-	-	(95.467.500.000)	(95.467.500.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Sử dụng quỹ khác	-	-	-	-	(857.166.000)	-	(857.166.000)
Số cuối năm	381.900.000.000	27.876.760.563	(36.000.000)	12.027.860.538	643.341.294	84.300.395.710	506.712.358.105

(i) Theo Nghị quyết số 01/DL2-NQ ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 63/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền theo mức 5% mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

Theo Nghị quyết số 01/DL2-NQ ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2024, Nghị quyết số 67/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 5 tháng 7 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thống nhất phê duyệt nhất phần thanh toán tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền theo mức 10% mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

Theo Nghị quyết số 01/DL2-NQ ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2024, Nghị quyết số 71/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 23 tháng 12 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thống nhất phê duyệt nhất phần thanh toán tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền theo mức 10% mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm và số cuối năm	381.900.000.000	381.900.000.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	95.467.500.000	76.374.000.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	84.594.048.721	76.333.281.101

20.3 Vốn cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	38.190.000	38.190.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	38.190.000	38.190.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(3.000)	(3.000)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	38.187.000	38.187.000

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20.4 Chi tiết vốn cổ phần của các cổ đông

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND'000	Tỷ lệ sở hữu %	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND'000	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH						
Phytopharco Việt Nam	6.944.550	69.445.500	18,18	16.244.550	162.445.500	42,53
Ông Nguyễn Thiện Đức	5.152.224	51.522.240	13,49	5.152.224	51.522.240	13,49
Công ty Cổ phần						
Newtechco Group	3.819.150	38.191.500	10,00	3.819.150	38.191.500	10,00
Tổng Công ty Dược						
Việt Nam	3.780.000	37.800.000	9,90	3.780.000	37.800.000	9,90
Ông Nguyễn Công Chiến	2.190.682	21.906.820	5,74	1.980.720	19.807.200	5,19
Bà Nguyễn Thị Chính	1.900.000	19.000.000	4,98	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Chung	1.850.000	18.500.000	4,84	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Đáng	1.850.000	18.500.000	4,84	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Mười	1.850.000	18.500.000	4,84	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Sáng	1.850.000	18.500.000	4,84	-	-	-
Các cổ đông khác	7.000.394	70.003.940	18,34	7.210.356	72.103.560	18,88
Cổ phiếu quỹ	3.000	30.000	0,01	3.000	30.000	0,01
TỔNG CỘNG	38.190.000	381.900.000	100	38.190.000	381.900.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	30.261.798.688	29.575.389.015
Lợi nhuận trong năm	3.172.022.334	4.232.470.153
Cổ tức đã chia (*)	(6.677.299.529)	(3.546.060.480)
Số cuối năm	<u>26.756.521.493</u>	<u>30.261.798.688</u>

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty TNHH Phyto Land (công ty con trong Nhóm Công ty) đã hoàn tất việc thanh toán cổ tức cho các cổ đông không kiểm soát với số tiền 6.677.299.529 VND.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	41.637.683.946.790	35.136.552.595.422
Doanh thu bán hàng	41.430.473.388.623	34.975.065.656.981
Doanh thu cung cấp dịch vụ	207.210.558.167	161.486.938.441
Các khoản giảm trừ doanh thu	(21.766.508.756)	(109.643.053.824)
Hàng bán trả lại	(8.510.325.419)	(17.131.760.969)
Chiết khấu thương mại	(12.331.317.554)	(92.511.292.855)
Giảm giá hàng bán	(924.865.783)	-
Doanh thu thuần	<u>41.615.917.438.034</u>	<u>35.026.909.541.598</u>
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán hàng	41.408.706.879.867	34.865.422.603.157
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	207.210.558.167	161.486.938.441

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	96.370.349.947	84.239.010.483
Chiết khấu thanh toán	17.465.613.040	20.532.259.848
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.079.688.282	6.463.590.994
Lãi từ hoàn ứng	-	5.297.124.766
TỔNG CỘNG	<u>115.915.651.269</u>	<u>116.531.986.091</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	39.979.768.422.501	33.745.366.781.040
Giá vốn dịch vụ cung cấp	109.809.148.108	76.738.046.409
TỔNG CỘNG	40.089.577.570.609	33.822.104.827.449

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	92.765.899.975	72.391.722.425
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.803.354.716	7.624.732.589
Khác	-	2.754.688.898
TỔNG CỘNG	96.569.254.691	82.771.143.912

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	1.268.461.569.907	932.984.016.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.179.610.227.972	845.003.996.521
Chi phí nhân viên	81.442.152.918	79.162.423.406
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.579.735.734	7.388.401.289
Chi phí khác	2.829.453.283	1.429.194.851
Chi phí quản lý doanh nghiệp	149.581.870.660	163.306.668.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.688.114.038	65.174.738.215
Chi phí nhân viên	65.447.528.749	81.665.946.727
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.282.419.384	1.493.826.552
Chi phí khác	16.163.808.489	14.972.156.763
TỔNG CỘNG	1.418.043.440.567	1.096.290.684.324

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	39.979.768.422.501	33.743.011.690.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.244.680.200.378	915.388.612.099
Chi phí nhân viên	237.293.765.980	232.873.111.067
Chi phí khấu hao và hao mòn	27.016.593.277	10.853.564.362
(Thuyết minh số 11 và 12)	18.862.029.040	16.268.534.045
Chi phí khác		
TỔNG CỘNG	41.507.621.011.176	34.918.395.511.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.254.901.250	45.850.009.590
Thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	2.345.306.506	2.052.119.831
	12.600.207.756	47.902.129.421
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	16.539.284.704	(17.733.419.858)
TỔNG CỘNG	29.139.492.460	30.168.709.563

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	123.348.648.918	139.545.458.310
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	24.669.729.784	27.909.091.662
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.124.456.170	926.938.030
Thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	2.345.306.506	2.052.119.831
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại từ những năm trước	-	(719.439.960)
Chi phí thuế TNDN	29.139.492.460	30.168.709.563

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm		Năm nay	
	Số đầu năm		Năm trước	
Các khoản dự phòng	3.883.424.161	3.842.591.412	40.832.749	7.502.405
Chiết khấu thương mại	985.800.000	17.350.252.493	(16.364.452.493)	17.350.252.493
Chi phí phải trả	160.000.000	375.664.960	(215.664.960)	375.664.960
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	5.029.224.161	21.568.508.865		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(16.539.284.704)	17.733.419.858

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)	Năm trước (trình bày trước đây)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	91.037.134.124	105.144.278.594	105.144.278.594
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(3.500.000.000)	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	91.037.134.124	101.644.278.594	105.144.278.594
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	38.187.000	38.187.000	38.187.000
Lãi trên cổ phiếu			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.384	2.662	2.753
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.384	2.662	2.753

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/DL2-NQ ĐHCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Phytopharco Việt Nam	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Công Chiến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đoàn Đức Vinh	Thành viên HĐQT
Ông Trần Thọ Thành	Thành viên HĐQT
Bà Võ Thị Tuấn Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thiện Đức	Thành viên HĐQT
Ông Lê Hùng Vượng	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS
Ông Lê Minh Phú (từ tháng 1 năm 2025)	Tổng Giám đốc
Ông Capistrano Mario JR Pawang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Torsten Wagner (từ tháng 4 năm 2024)	Phó Tổng Giám đốc

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Công Chiến	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	49.200.000.000
	Nhận hoàn ứng	-	25.642.325.000
	Lãi từ việc hoàn ứng	-	5.297.124.766
	Tạm ứng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	240.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)			
Cổ đông	Cổ tức phải trả	37.746.328.948	26.872.877.669

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Capistrano Mario JR Pawang	Phó Tổng Giám đốc	3.890.200.000	2.627.472.000
Ông Nguyễn Công Chiến	Chủ tịch Ban điều hành	3.807.100.000	3.123.450.000
Ông Đào Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	2.992.100.000	2.400.000.000
Bà Võ Thị Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	2.919.200.000	2.373.000.000
Ông Torsten Wagner	Phó Tổng Giám đốc	2.033.920.000	-
Ông Nguyễn Thiện Đức	Thành viên HĐQT	360.000.000	364.500.000
Ông Đoàn Đức Vinh	Thành viên HĐQT	360.000.000	364.500.000
Ông Trần Thọ Thành	Thành viên HĐQT	360.000.000	363.000.000
Ông Lê Hùng Vượng	Trưởng BKS	144.000.000	145.800.000
Ông Lê Minh Phú	Tổng Giám Đốc	124.295.455	-
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Thành viên BKS	108.000.000	111.300.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS	108.000.000	109.800.000
Ông Trần Đình Khải	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	882.857.143
TỔNG CỘNG		17.206.815.455	12.865.679.143

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động - bên đi thuê

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng và các trung tâm phân phối theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	6.931.834.144	7.442.169.194
Từ 1 năm đến 5 năm	26.375.962.379	19.272.751.889
Trên 5 năm	114.682.741.356	118.005.615.765
TỔNG CỘNG	147.990.537.879	144.720.536.848

Cam kết thuê hoạt động - bên cho thuê

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê đất và kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	13.074.386.485	11.548.896.436
Từ 1 đến 5 năm	17.923.199.200	19.462.135.452
Trên 5 năm	8.419.840.000	10.982.400.000
TỔNG CỘNG	39.417.425.685	41.993.431.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	186.550,5	83.429,43
- EUR	-	709,77

33. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh được phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế trong một khu vực địa lý. Vì vậy, không có yêu cầu trình bày thêm thông tin bộ phận.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thị Thanh Tùng
Người lập



Hoàng Đăng Ánh
Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2025



Đào Văn Đại
Phó Tổng Giám đốc